

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30-5-2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Bích Thủy

Ông Trương Xuân Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Không

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Đình T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

HKTT: Thôn Q, xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Chị Chu Thị Đ, vắng mặt.

HKTT: Thôn Q, xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở: Thôn X, xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh T trình bày: Anh và chị Đ kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau và chị Đ đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 05/7/2008 và Hoàng Thị L, sinh ngày 28/8/2014, khi ly hôn anh T nhận trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Chu Thị Đ, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị không chấp hành, không đến Tòa án và đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã hoàn thiện các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền về lãnh thổ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 và Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đình T và chị Chu Thị Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã Mường Lai, huyện Lục Yên, Yên Bái đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi kết hôn anh T và chị Đ sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ để sống từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy anh T xin ly hôn chị Đ là có căn cứ.

[5] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”

[6] Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hoàng Đình T và chị Chu Thị Đ đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy anh T xin ly hôn chị Đ là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[7] Về nuôi con chung: Anh Hoàng Đình T và chị Chu Thị Đ có 02 con chung tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 05/7/2008 và Hoàng Thị L, sinh ngày 28/8/2014. Khi ly hôn anh T nhận trực tiếp nuôi cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, mặt khác chị Đ không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình, vì vậy không có căn cứ để xem xét. Cho nên hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh T về việc nhận nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Đình T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Anh Hoàng Đình T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UB-TVQH-14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là đúng pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 72, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử anh Hoàng Đình T được ly hôn chị Chu Thị Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Hoàng Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị N, sinh ngày 05/7/2008 và Hoàng Thị L, sinh ngày 28/8/2014 đến khi đủ 18 tuổi, chị Chu Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Đình T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004359, ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Lai;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Ninh

